

VÙNG ĐẤT MÔ XOÀI TRONG QUÁ TRÌNH KHAI PHÁ NAM BỘ DƯỚI THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

ĐẶNG NGỌC HÀ*

Công cuộc khai phá vùng đất Nam Bộ dưới thời các chúa Nguyễn bắt đầu từ thế kỷ XVII. Đây là quá trình lâu dài và trải qua nhiều gian khó. Để tiến sâu vào vùng đất Nam Bộ chắc chắn phải có những *tiền đồn*. Những tiền đồn ấy chính là vùng đất được đặt chân đầu tiên để rồi tiến về phương Nam. Trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, sau này là các cuốn sử của Quốc sử quán triều Nguyễn đều nhắc đến vùng đất Mô Xoài là nơi đầu tiên người Việt đến tụ cư rồi sau này đi tiếp về Đồng Nai và theo các nhánh sông xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Vùng đất Mô Xoài có vị thế địa - chính trị đặc biệt. Vào thế kỷ XVII đây là vùng đất hoang vu nằm giữa Chân Lạp và Champa. Mô Xoài có dải đồng bằng thuận lợi cho nông nghiệp, cùng với vùng ven biển giàu có thuận lợi cho nghề làm muối, khai thác nhiều sản vật. Đó là cửa ngõ của Nam Bộ, có hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ thuận lợi để tiến vào trung tâm Nam Bộ. Với vị thế ấy, Mô Xoài là nơi đầu tiên được người Việt khai mở rồi được chúa Nguyễn thiết lập thành tiền đồn để làm bàn đạp cho quá trình khai phá Nam Bộ và xác lập chủ quyền

Đàng Trong. Mô Xoài là vùng đất rộng lớn, ngày nay tương đương với vị trí của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó vùng lõi là Thành phố Bà Rịa.

1. Định vị vùng đất Mô Xoài

Mô Xoài là địa danh đã tồn tại lâu dài trong lịch sử khai phá Nam Bộ. Trải qua nhiều biến cố lịch sử, ngày nay địa danh này không còn được sử dụng. Xác định vị trí của Mô Xoài có ý nghĩa quan trọng khi tìm hiểu quá trình khai phá, xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn trên vùng đất Nam Bộ. Với việc kết hợp nhiều nguồn tư liệu có thể định vị Mô Xoài là vùng đất rộng lớn tương đương với khu vực tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó trung tâm nằm ở Thành phố Bà Rịa.

Địa danh "Mô Xoài" xuất hiện sớm nhất trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn vào giữa thế kỷ XVIII. Năm 1756, đứng trên đỉnh cao của kỳ công mở cõi, vị tướng Nguyễn Cư Trinh đã nói với chúa Nguyễn Phúc Khoát: "Đời trước lập Gia Định, tất trước mở xứ *Mô Xoài* (1), rồi mở xứ Đồng Nai, để cho quân dân hoàn tụ, rồi mở xứ Sài Gòn, thế là lấy ít đánh nhiều, lần dần như tầm ăn" (2). Trong sử liệu, sự kiện sớm nhất nhắc đến tên Mô Xoài là năm 1658. Theo *Gia Định thành thông chí*, vua Chân

* ThS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG HN

Lập xâm phạm biên giới Đàng Trong, năm 1658 chúa Nguyễn sai: “3 ngàn quân đi trong 2 tuần đến thành *Mô Xoài* của nước Cao Miên, phá thành và bắt vua Nặc Ong Chân giải về Quảng Bình” (3). *Đại Nam thực lục* cũng nhắc đến sự kiện này nhưng không chép là *Mô Xoài* mà thay bằng tên vùng đất này được sử dụng từ cuối thế kỷ XVIII là Hưng Phúc, theo đó quân chúa Nguyễn: “đem 3000 quân đến thành Hưng Phúc (bấy giờ gọi là *Mô Xoài* (4), nay thuộc huyện Phúc Chính, tỉnh Biên Hòa (5) đánh phá được, bắt Nặc Ông Chân” (6).

Vào thế kỷ XVII, cách gọi tên địa danh *Mô Xoài* tồn tại phổ biến hơn, là vùng đất địa đầu phía bắc của Nam Bộ, Trịnh Hoài Đức cho biết rất rõ: “Lúc ấy địa đầu của Gia Định là *Mô Xoài* và *Đồng Nai* (nay là trấn Biên Hòa tại hai xứ ấy đã có dân của nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất” (7).

Như vậy, vùng đất *Mô Xoài* nằm ở phía bắc của Nam Bộ ngày nay. Vị trí của nó nằm cạnh vùng *Đồng Nai* và vùng *Sài Gòn*. Lời nói của Nguyễn Cư Trinh cho biết xứ *Mô Xoài* là vùng đất được khai mở đầu tiên sau đó đến *Đồng Nai* và *Sài Gòn*. Trong quan niệm dân gian ở thế kỷ XVII - XIX, một mặt địa danh *Đồng Nai* để chỉ chung toàn bộ vùng Nam Bộ, mặt khác chỉ tên của trấn Biên Hòa rồi tỉnh Biên Hòa; còn *Sài Gòn* nhằm chỉ vùng đất *Phiên An*, sau là tỉnh Gia Định: “theo cư dân ở đây thường nói thì chỉ gọi đất Biên Hòa là *Đồng Nai*, *Bà Rịa*; đất *Phiên An* là *Bến Nghé*, *Sài Gòn*” (8). Hơn nữa, những người Việt khi xuống Nam Bộ khai phá đất đai họ phải đi bằng thuyền để vượt qua lãnh thổ *Champa*, khi xuống Nam Bộ địa điểm họ sinh sống đầu tiên phải đảm bảo tiêu chí là vùng đồng bằng để thuận lợi cho khai phá ruộng đất trồng lúa. Dựa vào quan

niệm dân gian về cách gọi tên vùng đất này, cùng hai tiêu chí định cư là giáp biển, có đồng bằng là cơ sở đầu tiên để đoán định *Mô Xoài* là vùng đồng bằng giáp biển nằm ở phía bắc tỉnh Gia Định và nằm ngang với *Biên Hòa-Đồng Nai*.

Kết hợp nhiều nguồn tư liệu có thể xác định được vị trí chính xác của vùng đất *Mô Xoài* xưa. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* được viết vào thập niên đầu thế kỷ XIX khi nói đến trạm *Mô Xoài* ở trấn Biên Hòa đã cho biết một chi tiết rất quan trọng: “Cầu sông *Mô Xoài*, cầu dài 22 tầm, tục gọi là cầu *Mô Xoài*, lệ bắt dân hai thôn phường *Long Hương* và *Phước Lễ* làm cầu” (9). *Gia Định thành thông chí* có viết về sông *Hương Phước* ở trấn Biên Hòa đầu thế kỷ XIX: “tức là sông *Mô Xoài*, là nơi 2 thôn *Long Hương* và *Phước Lễ* cùng dài thợ lính trạm” (10). Xác định vị trí thôn *Long Hương*, *Phước Lễ* cũng có nghĩa xác định được vị trí của vùng *Mô Xoài*.

Cũng trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí*, ở phần “*Cương vực chí*” của trấn Biên Hòa, Trịnh Hoài Đức cho biết *Long Hương* và *Phước Lễ* là tên hai thôn thuộc tổng *An Phú* huyện *Phước An* (11). Vào những năm 30 của thế kỷ XIX, tổng *An Phú*, huyện *Phước An* được chia thành *An Phú Thượng* và *An Phú Hạ*, trong đó *Long Hương* và *Phước Lễ* thuộc tổng *An Phú Hạ*, huyện *Phước An*, phủ *Phước Long* (12).

Tư liệu địa bạ triều Nguyễn thiết lập vào giữa những năm 30 của thế kỷ XIX đã khẳng định rõ ràng trung tâm *Mô Xoài* là các làng *Long Hương*, *Phước Lễ*, *Long Kiên*, *Long Xuyên*. Trong các thôn của tổng *An Phú Hạ* chỉ có 4 thôn này được ghi chép là đất đai thuộc xứ *Mô Xoài*. Trong địa bạ có nhắc đến các xứ đất, đó là tên gọi dân gian về một khu vực nhất định, phản ánh lịch sử lâu dài của một địa phận, khu vực.

Địa bạ thôn Long Hương, Phước Lễ cho biết thôn chỉ có một xứ là Mồ Xoài (13). Địa bạ thôn Long Kiên chép thôn có 3 xứ là Mồ Xoài, Bung Kỳ, Thị Định (14). Địa bạ thôn Long Xuyên cũng chép thôn có 2 xứ là Mồ Xoài và Khách xứ (15).

Gắn liền với vùng đất Mồ Xoài còn có đạo Mồ Xoài hay đạo Hưng Phúc, ở các đạo này có thủ Mồ Xoài (thủ Hưng Phúc) để đảm nhận các vấn đề an ninh. Việc xác định vị trí của thủ này sẽ góp phần xác định không gian vùng đất Mồ Xoài. Thủ Hưng Phúc đã được đổi tên thành thủ Long An năm 1824 nhưng đến năm 1833 vẫn còn kho của đạo Hưng Phúc. Bằng chứng là khi đánh dẹp quân khởi nghĩa Lê Văn Khôi, vua Minh Mệnh lệnh cho các quan ở Biên Hòa: "Lại sức khám xét số thóc hiện chứa ở kho đạo Hưng Phúc cạnh trạm Biên Long" (16). Trạm Biên Long nằm ở thôn Long Hương huyện Phước An (17). Chính địa bạ của thôn Long Hương đã xác nhận kho đạo Hưng Phúc nằm trong thôn này: "đất thổ phụ (đất gò) có 3 khoảnh, trong đó một khoảnh là kho đạo Hưng Phúc, một sở có dân cư" (18).

Năm 1837, phủ Phước Tuy được thành lập, trong phủ có huyện Phước An (19). Trên *Phước Tuy phủ đồ* (20) năm 1838, huyện Phước An tương đương với tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày nay. Thông tin trên bản đồ *Plan topographique de L'arrondissement de Baria* vẽ vào năm 1881 cho biết tổng An Phú Hạ thuộc huyện Phước An nằm ở phía tây của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (21). Bốn thôn trung tâm của vùng đất Mồ Xoài xưa gần tương đương với Thành phố Bà Rịa hiện nay.

Tên của ngọn núi, dòng sông thuộc Mồ Xoài hoàn toàn khớp với các địa danh ở Thành phố Bà Rịa ngày nay. Cuối thế kỷ XIX, một đoạn sông từ trung tâm làng

Phước Lễ lúc đó là thủ phủ tỉnh Bà Rịa ngược lên phía bắc được ghi trong bản đồ *Plan topographique de L'arrondissement de Baria* là: "Rach Mo Koai", tức là sông Mồ Xoài, còn từ trung tâm Phước Lễ trở ra biển được ghi là sông Dinh (22). Sông Dinh chảy qua Thành phố Bà Rịa trước kia tên là Mồ Xoài, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* cho biết sông Mồ Xoài còn gọi là Vàm Dinh (23). Núi Trấn Biên từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX được gọi theo tên dân gian là núi Mồ Xoài (24). Từ cuối thế kỷ XIX núi này thường được gọi là núi Dinh: "Núi Dinh: tên núi lớn ở phủ Phước Tuy, tục kêu là núi Mồ Xoài" (25). Ngày nay, ngọn núi lớn ở Thành phố Bà Rịa thuộc các phường Kim Dinh, Long Hương, Phước Hưng vẫn mang tên núi Dinh.

Tại Thành phố Bà Rịa ngày nay tên của các làng cổ Long Hương, Phước Lễ, Long Kiên, Long Xuyên không còn giữ được như trước, duy chỉ còn tên làng cổ Long Hương nay được đổi thành phường Long Hương và phường Kim Dinh. Dựa trên bản đồ địa hình, hành chính có thể thấy thôn Phước Lễ chia thành nhiều phường là: Phước Hiệp, Phước Hưng, Long Tâm, Phước Nguyên, Phước Trung, Long Toàn, trong đó trung tâm của thôn trước kia nay là phường Phước Hiệp. Thôn Long Kiên hiện nay là một phần của phường Phước Hưng, Long Tâm, xã Hòa Long. Thôn Long Xuyên hiện nay tương đương với xã Tân Hưng, xã Hòa Long, một phần xã Long Phước (26).

Mặc dù trung tâm của xứ Mồ Xoài nằm ở một số làng thuộc tổng An Phú Hạ nhưng phạm vi của xứ Mồ Xoài rộng lớn hơn nhiều gồm các làng thuộc tổng An Phú Hạ, An Phú Thượng, Phước Hưng Hạ, Phước Hưng Thượng của huyện Phước An thế kỷ XIX. Huyện Phước An ngày nay tương đương với tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Các làng

bao quanh trung tâm Mô Xoài về phía bắc gồm có Đại Thuận, Long Hiệp, Long Lập thuộc tổng An Phú Hạ; phía đông gồm các làng An Nhất, An Ngãi, Hắc Lăng, Long Điền, Long Nhung, Long Thạnh, Phước Tỉnh, trong đó Long Điền nằm cạnh làng Phước Lễ, làng này có nhiều dấu tích quan trọng của thời kỳ mở cõi, khai phá đất đai từ thế kỷ XVII. Các làng thuộc các tổng Phước Hưng Hạ và Phước Hưng Thượng nằm xa hơn cũng có vai trò quan trọng trong quá trình khai phá, xác lập chủ quyền dưới thời chúa Nguyễn, các làng này ngày nay thuộc huyện Đất Đỏ, Xuyên Mộc và Châu Đức của Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trung tâm của Mô Xoài nằm khá xa biển và kín đáo trong khu vực giáp với vùng nước lợ ở phía nam của sông Dinh. Nhưng vùng Mô Xoài lan rộng hơn nhiều so với trung tâm, giáp với khu vực nam Trường Sơn và kéo dài ra biển. Cách Thành phố Bà Rịa khoảng 10km, nằm giáp biển có hai làng Phước Hải và Phước Tỉnh, đây là cửa ngõ để người Việt từ thế kỷ XVII tiến vào trung tâm Mô Xoài. Chính điều này tạo nên địa thế liên hoàn của vùng Mô Xoài với các hệ thống sông, biển và thuận lợi cả về giao thông đường bộ.

2. Vùng đất Mô Xoài trước thế kỷ XVII

Trước thế kỷ XVII, trên mảnh đất Mô Xoài có cộng đồng cư dân bản địa sinh sống. Giai đoạn này có thể chia thành hai thời kỳ, thời kỳ trước thế kỷ VII khi nhà nước Phù Nam còn tồn tại và sau thế kỷ VII nhà nước Phù Nam bị Chân Lạp xâm chiếm.

Trước thế kỷ VII, sự tồn tại của các di tích khảo cổ học đã minh chứng cuộc sống sôi động của con người ở đây. Hình thức cư trú trên nhà sàn rất phổ biến với các di tích như Bưng Bạc (27), Bưng Thơm (28). Tại Bưng Bạc, các nhà khảo cổ học đã: “nhận

diện di tích này như một ngôi làng cổ” (29) với các kiến trúc nhà sàn, công cụ sản xuất.

Tại Thành phố Vũng Tàu thuộc vùng ven của Mô Xoài còn phát hiện được trống đồng có đường kính mặt 62cm, niên đại của trống khoảng thế kỷ III, II TCN, và có đoán định rằng đây là sản phẩm của hiện tượng giao lưu văn hóa qua hình thức cống nạp (30). Quan điểm khác lại nhìn nhận chiếc trống này mặc dù có cội nguồn từ truyền thống Đông Sơn nhưng có nhiều điểm khác về kỹ thuật, biểu hiện, do đó: “có thể nghĩ đến ở lưu vực sông Đồng Nai (và có thể cả vùng châu thổ Cửu Long) hẳn đã tồn tại một loại hình riêng trong truyền thống chung của văn hóa Đông Sơn” (31). Trống đồng có mặt ở vùng Mô Xoài là biểu hiện của một trình độ kỹ thuật đúc đồng cao của cư dân trong vùng hoặc do sự giao lưu văn hóa từ rất sớm của các cộng đồng dân cư bản địa với các khu vực khác.

Sau thế kỷ VII, Chân Lạp xâm chiếm Nam Bộ nhưng không thể quản lý được vùng đất này, cư dân Mô Xoài cũng như nhiều khu vực khác ở Nam Bộ vẫn tiếp tục phát triển với nền văn hóa riêng. Theo bia đá dựng ở đền Prah Khan cho biết thế kỷ XIII Chân Lạp đã cho dựng 121 trạm nghỉ chân kéo dài từ miền Đông giáp Xiêm đến Champa, trong đó có 57 trạm từ kinh đô Angkor đến kinh đô của Champa (32), con đường qua Mô Xoài chính là con đường huyết mạch trong quan hệ bang giao giữa Chân Lạp và Champa. Vì vậy, đã có nhận định rằng vùng Mô Xoài là vùng đất “trái độn” giữa Chân Lạp và Champa, cho nên có thể nằm trên con đường hành quân của các cuộc chiến tranh giữa hai vương quốc (33).

Thế kỷ XIII, Châu Đạt Quan cho biết ở Chân Lạp có hơn chín chục tỉnh, ông chỉ liệt kê 10 tỉnh, trong đó có Chân Bô, Ba Giản thuộc vùng Nam Bộ Việt Nam. Châu

Đạt Quan cho biết: “Dọc theo bờ biển từ Chân Bô (34) và Ba Giản (35), người ta làm muối bằng cách nấu nước biển” (36). Khu vực bờ biển Cần Giờ đến Vũng Tàu thuộc xứ Mô Xoài ngay từ thế kỷ XIII đã nằm trên con đường giao thương quan trọng. Do đó, học giả nổi tiếng L. Malleret đã từng đoán định Chân Bô là thị trấn biển Kattigara trong sách địa lý của Ptoleme đã từng miêu tả (37). Năm 1550, giáo sĩ Gaspar de Santa Cruz đi theo chuyến hải trình từ Malacca đến Hà Tiên, sau đó đến Bà Rịa và đi Quảng Châu (38), điều này khẳng định suốt nhiều thế kỷ vùng Mô Xoài nằm trên hải trình quan trọng ở khu vực Đông Nam Á.

Trước thế kỷ XVII, Mô Xoài là khu vực có nhiều điểm tụ cư của những cư dân bản địa. Cư dân ở đây đã phát triển hoạt động sản xuất muối từ rất sớm. Bên cạnh đó, Mô Xoài là một cửa ngõ giao thương, có vị trí đường biển quan trọng nối với trung tâm Nam Bộ cũng như ngược sông Cửu Long lên Chân Lạp. Mô Xoài cũng nằm ở vị trí thuận lợi trên hải trình đường biển của khu vực.

3. Quá trình khai phá vùng đất Mô Xoài dưới thời các chúa Nguyễn

Năm 1620, chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả công chúa Ngọc Vạn (39) cho quốc vương Chân Lạp là Chey Chetta II đã đánh dấu việc mở ra cho người Việt một sự đảm bảo để khai phá vùng lãnh thổ Nam Bộ. Sau khi kết hôn với vua Chân Lạp, công chúa Ngọc Vạn đem theo nhiều người Việt đến ở kinh đô Chân Lạp, trong đó có nhiều người làm quan trong triều Chân Lạp. Ngoài ra còn nhiều người khác tham gia các hoạt động sản xuất thủ công, thương nghiệp (40).

Đến năm 1623, vua Chân Lạp đã đồng ý cho chúa Nguyễn mở sở thuế tại vùng Sài Gòn, một tập *Niên giám* viết tay ở Thư viện

Hoàng gia Campuchia cho biết: “Năm 2169 Phật lịch, tức là năm 1623 dương lịch, một sứ giả của vua Annam dâng lên vua Cao Miên Chey Chetta một phong thư, trong đó vua Annam ngỏ ý mượn của nước Cao Miên xứ Prey Nokor và xứ Kas Krobey để đặt làm nơi thu quan thuế. Vua Chey Chetta sau khi tham khảo ý kiến của đình thần đã chấp nhận lời yêu cầu trên và phúc thư cho vua Annam biết. Vua Annam bèn ra lệnh cho quan chức đặt Sở quan thuế tại Prey Nokor và Kas Krobey và từ đó bắt đầu thu quan thuế” (41). Các nghiên cứu từ trước đến nay đều khẳng định Prey Nokor và Kas Krobey là khu vực Sài Gòn (42). Có ý kiến cho rằng cùng với Sài Gòn thì ở Mô Xoài cũng thành lập khu dinh điền vào 1623 (43). Tuy nhiên, hiện nay chưa có thực tích nào nói đến việc có dinh điền ở Mô Xoài vào năm 1623, do đó thời điểm 1658 là năm đầu tiên sử liệu nhắc đến Mô Xoài, ngay cả đến 1658 cũng chưa thể có dinh điền mà chỉ có những người Việt vẫn khai phá Mô Xoài từ đầu thế kỷ XVII.

Người Việt xuống khai phá Mô Xoài chủ yếu bằng đường biển. Có ý kiến thảo luận rằng, khi người Việt xuống Nam Bộ: “Thượng đạo là con đường tối ưu đối với các lưu dân” và con đường này có thể tránh được Chămpa đang chiếm cứ vùng ven biển (44). Thực ra chỉ có số ít người Việt đi theo đường bộ xuống Mô Xoài, con đường biển là tối ưu nhất. Giao thông đường thủy thuận lợi hơn đường bộ, bởi vì vùng Thuận Quảng là các đồng bằng nhỏ hẹp tựa lưng vào cao nguyên, hướng ra biển và cách nhau bằng các đèo. Nước Chămpa từng tồn tại trên lãnh thổ Thuận Quảng được các nhà nghiên cứu như O.W. Wolters đánh giá là một cấu trúc *mandala* điển hình ở Đông Nam Á. Do sự chi phối của địa hình, cảnh quan nên Chămpa chia thành nhiều tiểu quốc nhỏ hơn và tương đối biệt lập do sự

khó khăn trong giao thông bộ giữa các tiểu quốc mặc dù nằm sát cạnh nhau trên diện tích không quá rộng lớn. Do địa hình, cảnh quan đặc trưng của khu vực Thuận Quảng nên có rất nhiều hải cảng, và người ta đi lại chủ yếu bằng đường thủy, năm 1621, C.Borri cho biết: “Còn về hải cảng thì thật là lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn sáu mươi cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền” (45), Thích Đại Sán cũng ghi lại điều này khi đến Đàng Trong năm 1695: “Cửa biển là cửa ngõ của vương đô, Thuận Hóa, để đi thông qua các phủ khác. Vì đất nước Đại Việt [Đàng Trong] chỉ là một dải núi dọc theo mé biển, các đô ấp đều tựa núi quay mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rập rập, nhiều tế tượng hùng beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ này qua phủ khác tất do đường biển” (46).

Giao thông đường bộ đi từ trấn Thuận Hóa vào địa giới phủ Phú Yên mất 14 ngày rưỡi (47), nếu vào tới Mô Xoài sẽ phải mất từng ấy ngày nữa, cho nên đi đường bộ mất rất nhiều thời gian. Lê Quý Đôn đã hỏi một thương nhân tên là Trùm Châm quê ở thôn Chính Hòa, châu Bố Chính về tình hình Gia Định, thương nhân này cho biết đã thực hiện hơn mười chuyến đi buôn vào Gia Định. Thường vào tháng 9, 10 Âm lịch thuyền nhổ neo vào Gia Định và đến tháng 4, 5 Âm lịch lại quay về. Nếu thuận gió, không quá 10 ngày đêm từ cửa biển Nhật Lệ sẽ đến được Gia Định (48). Con đường này thuận lợi nhất khi đi vào mùa gió Đông Bắc, bởi lẽ vào mùa gió Nam thổi lên rất khó cho việc đi lại, ngay cả khó đưa thuyền cập bến vào đất liền. Sau này, khi thủy quân triều Nguyễn tiến vào Nam Bộ dẹp loạn Lê Văn Khôi đã gặp mùa gió Nam,

nước đập làm vỡ thân thuyền và không thể nào neo vào bến (49). Do đó, đi đường biển là con đường thuận tiện, nhanh nhất từ Thuận Hóa vào Gia Định.

Hơn nữa, không thể đi qua vùng Bình Thuận, khu vực này đầu thế kỷ XVII là lãnh thổ của Chăm-pa, chỉ có cách nhanh nhất là đi bằng thuyền men bờ biển. Đến năm 1693, Đàng Trong mới sáp nhập vùng đất cuối cùng của Vương quốc Chăm-pa và đổi thành phủ Bình Thuận. Do đó, một thời gian dài ở thế kỷ XVII người Việt phải đi thuyền và cập bến vùng đất địa đầu của Nam Bộ là Mô Xoài. Khu vực các làng Phước Hải, Phước Tỉnh gần biển là nơi đầu tiên lưu dân người Việt cập bến, sau đó họ đi vào cửa Lấp rồi theo hệ thống sông rạch vào trung tâm Mô Xoài - nơi có những cánh đồng thuận lợi cho nông nghiệp.

Năm 1658, vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân (Ponnhea Chan) xâm lấn lãnh thổ phía nam Đàng Trong, chúa Nguyễn liền cử quân đội đến Mô Xoài rồi bắt vua Chân Lạp về Quảng Bình (50). Sự việc này đánh dấu: “Chân Lạp bắt đầu thần thuộc chúa Nguyễn, và phải để người Việt đến làm ăn trên đất mình” (51). Sự kiện năm 1658 đã mở ra cho người Việt một khu vực mới để vào khai phá đất đai, và khi quân chúa Nguyễn tiến đến vùng này chứng tỏ Đàng Trong đã xác lập chủ quyền tới Mô Xoài. Và điều này đảm bảo cho người Việt một vùng đất đã được quân đội chúa Nguyễn bảo vệ, cho nên từ đây đông đảo người Việt sẽ tiến xuống khai phá vùng đất Mô Xoài. Mô Xoài là địa đầu của vùng Nam Bộ nên chúa Nguyễn đã khai mở vùng đất này đầu tiên, sự kiện năm 1658 đánh dấu bước đầu tiên của việc xác lập chủ quyền ở xứ Mô Xoài, sau đó người Việt tiếp tục đẩy mạnh khai phá đất đai và hướng về vùng Đồng Nai, Sài Gòn. Như vậy, việc tiến dần về phương nam theo lộ trình tuần tự, “lấn dần như

tầm ăn” là chính sách đã được định hình và quyết liệt theo đuổi của các chúa Nguyễn.

Không phải ngẫu nhiên vào năm 1669, Nguyễn Phúc Tần ra định lệ nếu có người tự khai phá những chỗ rừng rú bỏ hoang thành ruộng sản xuất thì công nhận đó là ruộng tư (52). Điều này cho thấy các vùng đất mới đã được đảm bảo để dân chúng khai thác tự do và xác lập sở hữu tư. Và thời điểm những năm 70 của thế kỷ XVII, dân cư người Việt ngày càng đẩy mạnh khai thác vùng đất Nam Bộ để sản xuất nông nghiệp, nhà nước hợp thức hóa bằng việc công nhận sở hữu tư.

Các nhóm cư dân đến khai phá xứ Mô Xoài thời kỳ đầu rất đa dạng. Người Việt chủ yếu khai phá đất đai để sản xuất nông nghiệp. Nhưng trong cộng đồng những người Việt đầu tiên khai phá Nam Bộ cũng đa dạng về nguồn gốc và thành phần. Trong khi phân tích tên của các làng xã thì: “Một điều đáng chú ý nữa là không thấy có sự liên kết giữa tên làng quê hương của những người lập ấp với tên làng quê hương mới. Hiện tượng đó cho phép giả định rằng nhóm người lập ấp không phải cùng đồng hương với nhau và làng cũ ở miền Trung, miền đồng bằng sông Hồng, nếu có, không có vai trò trong việc lập thôn ấp mới ở đồng bằng Đồng Nai, Cửu Long” (53). Sở dĩ đi đến kết luận này vì có 3 cách đặt tên Nôm các thôn, ấp Nam Bộ: *cách thứ nhất*, là từ việc quan sát mà gọi tên theo đặc điểm tồn tại của địa bàn thôn xã, ví dụ như núi Ba Ba vì thế núi giống con ba ba, Vườn Trầu vì có nhiều cây trầu, chùa Cây Mai...; *cách thứ hai* là dùng tên những vị Tiên hiền, Hậu hiền để gọi địa danh, ví dụ như rạch Bà Nghè, rạch Ông Cỏi, giống Ông Mần...; *thứ ba* gọi theo tên vốn có từ trước của địa phương. Điều này phản ánh nguồn gốc đa dạng của người Việt khi khai phá vùng đất Mô Xoài. Đến nửa sau thế kỷ

XVII số di dân người Việt đến Mô Xoài đã khá đông, trong đó có cả những di dân Thiên Chúa giáo trốn chạy việc cấm đạo. Những người này lập ra một họ đạo ở Xích Lam gần Đất Đỏ (Bà Rịa-Vũng Tàu) (54).

Trong công cuộc khai phá vùng Mô Xoài, bên cạnh người Việt còn có người Khmer, họ sống đan xen cùng người Việt, hoặc là di chuyển đi chỗ khác khi người Việt đến: “Lúc ấy, địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai (nay là trấn Biên Hòa) tại hai xứ ấy đã có dân của nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác, chẳng dám tranh chấp điều gì” (55). Ngoài ra, vùng Mô Xoài còn có cả người Hoa cùng tham gia khai phá đất đai.

Long Hương nằm ven sông Mô Xoài là một làng trung tâm của xứ Mô Xoài đã được khai phá từ sớm. Vào thời kỳ này: “buổi đầu chỉ có một nhóm không hơn 100 người đi thuyền từ biển đến Rạch Dừa vượt sông Ba Cối đến định cư trên bờ sông Dinh về phía xóm Lăng chuyên nghề đánh bắt cá, dần dần có những nhóm dân đến lập nghiệp trên bờ sông Dinh về phía xóm Đình, cũng có nhóm khác theo đường bộ từ Bàn Lân (Đồng Nai) đến xóm Đồng, trong số này có những người Hoa biết làm ruộng” (56). Ngoài Long Hương, còn có làng Phước Lễ ven sông Mô Xoài. Các làng khác đã có cư dân sinh sống như Long Thạnh, An Ngãi, Phước Tĩnh, Phước Hải, Long Điền, Long Lập, Long Kiên, làng Núi Nứa trên đảo Long Sơn cũng được hình thành tương đối sớm.

Trong thời kỳ khai phá vùng Mô Xoài, người dân luôn phải đối mặt với bệnh tật, nguy hiểm. Địa danh Sùng Sinh Ba Sọ được người dân Long Hương kể lại ẩn chứa sự khó khăn và chết chóc trong buổi đầu

của cộng cuộc khai phá. Câu chuyện được truyền lại từ lâu đời ấy cho biết có 3 người đàn ông vào khu rừng phía bắc Long Hương để khai thác lâm sản, nhưng không thấy trở về; khi những người khác vào rừng thì phát hiện thấy ba bộ xương nham nhở vì bị thú rừng ăn hết xác (57).

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) vào kinh lý vùng đất Nam Bộ để lập nên các đơn vị hành chính. Lúc này khu vực Mô Xoài, Đồng Nai, Sài Gòn ước tính có tới 4 vạn hộ sinh sống: “lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long (nay thăng làm phủ), dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay (58)), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay)” (59). Cuối thế kỷ XVII, vùng Mô Xoài thuộc không gian hành chính của huyện Phước Long. Bên cạnh đơn vị hành chính được thiết lập ở Mô Xoài, các chúa Nguyễn đã thiết lập đạo Mô Xoài (đạo Hưng Phúc) chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh nhưng cũng kiêm cả công việc hành chính.

Việc mở rộng diện tích nông nghiệp tiếp tục được thực hiện ở thế kỷ XVIII. Năm 1791, Nguyễn Ánh sai người: “chọn đất ở Bà Rịa và Đông Môn nơi nào có thể mở đồn điền được thì lương chia quân sở bộ mà cày cấy, làm lấy mà ăn” (60). Đến giữa thế kỷ XIX, cư dân vùng Mô Xoài đã khai khẩn được một diện tích đất nông nghiệp lớn. Theo thống kê trong địa bạ năm 1836, các làng Long Hương, Phước Lễ, Long Kiên, Long Xuyên của vùng trung tâm Mô Xoài có diện tích canh tác là 357.8.06.5.0 mẫu (61). Trong các làng trung tâm Mô Xoài đến giữa thế kỷ XIX, Long Hương có diện tích ruộng đất lớn nhất và gấp 3,5 lần mỗi làng còn lại bởi đây là vùng dễ canh tác nhất ở Mô Xoài. Long Hương làng có diện tích ruộng đất đứng đầu tổng An Phú Hạ, đứng

thứ hai của huyện Phước An, nằm trong 14 làng có diện tích lớn nhất tỉnh Biên Hòa nhưng chỉ là làng có diện tích trung bình ở Nam Bộ (62). Như vậy, ban đầu cộng đồng người Việt cùng các tộc người khác khai phá vùng Mô Xoài mà trung tâm canh tác lớn nhất là Long Hương, sau đó khi điều kiện thuận lợi họ đã xuống sâu vùng trung tâm Nam Bộ để khai phá khu vực đồng bằng sông Cửu Long vì nơi đây có điều kiện canh tác tốt hơn.

Ngoài diện tích đất trồng lúa, ở huyện Phước An năm 1837 có 3 làng sở hữu diện tích ruộng muối là Phước Lễ, Long Điền và Phước Tỉnh. Trong đó, làng Phước Lễ ở trung tâm Mô Xoài có 3.8.12.0.0 mẫu ruộng muối (63). Cánh đồng muối ở vùng Mô Xoài trải dài từ thôn Phước Lễ qua thôn Long Điền kéo dài theo rạch Cửa Lấp ra đến cửa biển. Từ cửa sông Mô Xoài men theo sông, rạch phía đông nam: “đến rạch Vũng Diễn, rạch ở bên bờ trái, chảy lên hướng bắc 999 tầm là hết, ở đây có dân cư đông đúc, tục gọi là diễm Vũng Diễn, dân ở đây sống bằng nghề làm ruộng muối” (64).

Thế kỷ XVII là thời kỳ khai phá đất đai, đẩy mạnh phát triển sản xuất ở vùng đất Mô Xoài, là thời kỳ đầu tiên và hết sức quan trọng trong toàn bộ quá trình khai phá Nam Bộ, quá trình ấy được mở đầu bằng việc khai mở xứ Mô Xoài. Nhưng để bảo vệ thành quả đạt được trong quá trình tiến vào Mô Xoài và mở đất như vừa trình bày, chúa Nguyễn đã tăng cường các hoạt động quân sự để bảo vệ thành quả đó.

Trong các thế kỷ XVII, XVIII, chúa Nguyễn có nhiều hoạt động quân sự trên vùng đất Mô Xoài. Các hoạt động quân sự này có thể chia làm hai dạng. Dạng hoạt động thứ nhất để đánh lại Chân Lạp vì gây hấn ở biên giới, tấn công đất đai của người

Việt, hoạt động này nhằm thiết lập và bảo vệ chủ quyền trên vùng đất mới. Dạng hoạt động thứ hai, đem quân ở Mô Xoài chống nổi loạn tại các khu vực khác.

Dạng hoạt động quân sự thứ nhất, chúa Nguyễn hai lần điều động quân đội tấn công quân Chân Lạp. Có hai nguyên nhân dẫn đến các cuộc tấn công này vì Chân Lạp gây hấn ở biên giới và chính quyền Chân Lạp lực lượng chia năm sẻ bảy nên đã có phe cánh nhờ sự giúp đỡ của chúa Nguyễn. Mục tiêu của các hoạt động quân sự này nhằm bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ cư dân và tuyên bố với chính quyền Chân Lạp chủ quyền của chúa Nguyễn là bất khả xâm phạm đối với vùng đất Mô Xoài đang khai mở.

Năm 1658, Chân Lạp tấn công lãnh thổ phía nam Đàng Trong. Chúa Nguyễn cử lực lượng quân sự chống lại. Lực lượng này đã tiến đến Mô Xoài, bắt sống vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân cùng voi ngựa, khí giới và giải về dinh Quảng Bình (65).

Các nguồn sử liệu đều nói rằng nguyên nhân của sự kiện này vì: “Nặc Ông Chân xâm phạm biên giới” (66). Lúc này, phía nam của Đàng Trong là Chămpa, khi Alexandre de Rhodes ở Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVII ông đã xác nhận tỉnh Phú Yên (Ranran) là cực nam của Đàng Trong và giáp giới với Chămpa: “Le Roy a Pluficuis galeres du cofté de Ranran [Phú Yên] pour empelcher les inuafions de Champa qui eft limittrophe de cette Prouince” (Về phía tỉnh Phú Yên, chúa có nhiều thuyền chiến để chống nước Chămpa xâm lấn ở ngay biên giới (67)). Như vậy có hai giả thiết về việc xâm phạm biên giới Đàng Trong của Chân Lạp: *thứ nhất*, quân Chân Lạp dùng thủy quân vượt qua vùng biển Chămpa tấn công Đàng Trong; *thứ hai*, quân Chân Lạp kéo đến vùng Mô Xoài mà lúc này chúa Nguyễn đã khẳng định

chủ quyền thuộc về Đàng Trong. Giả thiết thứ hai gần với thực tế hơn, vì trước đó hơn 30 năm đã có sở thuế của người Việt ở Sài Gòn, vùng Mô Xoài là cửa phía bắc của Sài Gòn đã có nhiều người Việt đến sinh sống, khai phá đất đai. Chúa Nguyễn đưa quân đến Mô Xoài nhằm bảo vệ quá trình khai phá của người Việt.

Lực lượng quân đội của chúa Nguyễn đi bằng đường biển từ biên giới với Chămpa tiến đến Mô Xoài. Thủy quân chúa Nguyễn đi trong 20 ngày từ ngày 09 tháng 9 (Âm lịch) đến ngày 29 tháng 9 (Âm lịch) năm 1658 (68) đã tới thành Mô Xoài và bắt vua Chân Lạp ở ngay thành này. Lực lượng chúa Nguyễn gồm 3000 quân, có tư liệu cho biết có 2000 quân (69), nhưng số lượng 3000 quân có lẽ chính xác hơn vì *Phủ biên tạp lục* là sử liệu sớm nhất đề cập đến sự kiện năm 1658.

Theo các nguồn sử liệu, vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân lúc đó không ở kinh đô Oudong (70) mà lại ở tòa thành trên đất Mô Xoài. Vua Chân Lạp đích thân điều động một lực lượng quân sự đến thành Mô Xoài. Điều này cho thấy tầm quan trọng của vùng đất yết hầu Mô Xoài đối với Chân Lạp cũng như phản ứng nhanh của chúa Nguyễn nhằm bảo vệ chủ quyền nơi mà người Việt đang khai phá. Kết quả là vua Chân Lạp bị bắt và bị giải về dinh Quảng Bình.

Chúa Nguyễn sau đó đồng ý thả vua Chân Lạp về nhưng nói với Nặc Ông Chân một điều kiện quan trọng rằng: “không được xâm lấn cư dân ở ngoài biên” (71). Điều đó cho thấy đến giữa thế kỷ XVII, vùng đất Mô Xoài đã có rất nhiều cư dân người Việt, và lẽ đương nhiên thuộc chủ quyền của chúa Nguyễn, là khu vực địa đầu phía nam của Đàng Trong. Hành động quân sự năm 1658 là sự phản ứng

nhanh để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của chúa Nguyễn. Đồng thời cũng bảo vệ người Việt đang khai phá ở mảnh đất Mô Xoài. Đây là tiền đề quan trọng để từ đây người Việt từ Đàng Trong tiếp tục xuống khai phá Mô Xoài.

Đến năm 1674, chính quyền Chân Lạp lục đục, vua Nặc Nộn (Ang Non) sợ hãi chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn ở dinh Thái Khang, chúa Nguyễn cử quân đội từ dinh Thái Khang chia làm hai đạo sang đất Chân Lạp. Lực lượng này từ Thái Khang tiến xuống phía nam, đi qua Mô Xoài phá hủy các lũy ở Sài Gòn, Bích Đồi rồi tấn công thẳng sang thành Oudong là kinh đô Chân Lạp. Kết quả vị quan tiếm quyền ở Chân Lạp phải đầu hàng, chúa Nguyễn cho dòng vua đích làm vua chính đóng ở thành Oudong, Nặc Nộn là vua thứ hai đóng ở thành Sài Gòn, cả hai vị này cùng làm vua Chân Lạp và thực hiện triều cống hàng năm cho chúa Nguyễn (72).

Trịnh Hoài Đức đã cho biết một chi tiết quan trọng, trước đó, vị vương thứ hai của Chân Lạp là Bộ Tâm đóng đô ở Sài Gòn do sợ quân chúa Nguyễn tấn công nên đắp một lũy đất ở vùng địa đầu Mô Xoài để phòng thủ. Quân chúa Nguyễn đã đánh thắng quân Chân Lạp ở lũy Mô Xoài rồi tiến xuống Sài Gòn. Sau trận thắng ở lũy Mô Xoài thì lũy này được gọi là lũy Phước Tứ (73), tức là được ban phúc (74).

Hành động quân sự năm 1674 có hình thức là sự can thiệp nhằm ủng hộ một lực lượng của chính quyền Chân Lạp. Qua hành động này, một mặt chúa Nguyễn đã thiết lập được một lực lượng thân chúa Nguyễn là vị thứ vương Nặc Nộn đóng đô ở Sài Gòn. Mặt khác khẳng định chủ quyền của chúa Nguyễn ở vùng Mô Xoài và bảo vệ dân cư khai phá đang tiến dần vào trung tâm Nam Bộ.

Hành động quân sự thứ hai là các hoạt động chống cướp bóc, nổi loạn ở trong vùng. Hành động này nhằm bảo vệ an ninh cho quá trình khai phá đất đai, đồng thời củng cố chủ quyền lãnh thổ ở vùng Mô Xoài.

Đầu năm 1694, ở Bình Thuận có nổi loạn, viên quan cai đội ở dinh Bà Rịa đem quân tấn công lên Bình Thuận để chống nổi loạn, nhưng sau đó ông bị giết (75). Hai tháng sau, Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) mới dẹp loạn được khu vực này. Khi Cù lao Phố bị Lý Văn Quang nổi loạn chiếm các cơ sở kinh tế, giết quan binh thì Cai cơ Đại thắng hầu Tống Phước Đại ở đạo Mô Xoài đã dẫn quân lên hỗ trợ chống lại kẻ nổi loạn (76).

Trong việc phòng thủ, khu vực Mô Xoài rất quan trọng, đây là cửa yết hầu của vùng biển và đồng bằng tiến vào trung tâm Nam Bộ. Trịnh Hoài Đức ghi chép về tầm quan trọng của vùng đất này: “Đất này dựa lưng vào núi, mặt trông ra biển, rừng rậm, tre dày, trên có sở tuần để vẫy gọi dân man mọi đến đổi chác, vùng dưới có trạm cửa bể để xem xét thuyền bè lúc đi ra biển, đường trạm thủy bộ giao tiếp. Việc cung nộp sơn, lâm, thổ sản, chế ngự Đê, Man, bắt giữ phòng ngừa đạo tặc, đã có đặt huyện, nha, đạo, thủ, chia giữ nhiệm vụ, chính là nơi xung yếu, bận rộn, khó nhọc bậc nhất. Có nhiều cửa quan hiểm yếu, di chỉ của các thành trì xưa đến nay hãy còn để lại, khác gì quốc đô của các vương giả” (77). Mô Xoài có cửa biển rất quan trọng là cửa Lấp (Tắc Khái), từ cửa này sẽ nối thông lên các hệ thống sông Bến Nghé, ngã ba Nhà Bè, xuống miền tây Gia Định hay lên sông Đồng Nai, do đó giữa thế kỷ XVIII, quân lính ở cửa Tắc Khái được sắp xếp thành 3 đội thuyền (78), mỗi đơn vị có 3 chiến thuyền, tổng cộng 9 thuyền, mỗi thuyền gồm 40 lính, như vậy có 360 lính bảo vệ cửa Tắc Khái (79). Ngoài ra, xứ Mô Xoài có hai

thủ khác là thủ Bà Rịa, và thủ Mô Xoài. Mỗi thủ này được tổ chức giống như các đơn vị lính ở cửa Tác Khái, mỗi đơn vị gồm 360 lính bảo vệ với 9 thuyền (80).

Hoạt động quân sự ở Mô Xoài nhằm xác lập và bảo vệ chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ. Vì Mô Xoài là địa đầu của biên giới phía nam Đàng Trong thế kỷ XVII, nên vùng này thường diễn ra các hoạt động quân sự của chúa Nguyễn chống lại quân Chân Lạp. Các hoạt động quân sự ở Mô Xoài đã xác lập được chủ quyền của chúa Nguyễn và bảo vệ chủ quyền ấy, điều này là cơ sở để lưu dân tiến vào vùng Mô Xoài khai phá, lập cư và tiếp tục tiến xuống trung tâm Gia Định. Bên cạnh đó, quân đội chúa Nguyễn cũng làm nhiệm vụ chống trộm cướp, chống nổi loạn để bảo vệ dân cư khai phá đất đai ở Mô Xoài.

1. Tầm quan trọng chiến lược của Mô Xoài trong quá trình khai phá Nam Bộ

Mô Xoài có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình khai phá, xác lập chủ quyền Việt Nam ở Nam Bộ. Có thể phân chia quá trình khai phá, xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn thành 3 giai đoạn: *giai đoạn thứ nhất* tiến sâu vào trung tâm Nam Bộ; *giai đoạn thứ hai* sáp nhập Hà Tiên; *giai đoạn thứ ba* sáp nhập Tâm Phong Long cũng là chặng cuối của quá trình khai phá Nam Bộ. Mỗi giai đoạn có vị trí, vai trò và ảnh hưởng khác nhau trong toàn bộ tiến trình mở đất nhưng giai đoạn đầu có ý nghĩa then chốt nhất, là khởi đầu cho toàn bộ quá trình lâu dài từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII nhằm hoàn tất việc sáp nhập Nam Bộ vào Đàng Trong. Trong giai đoạn đầu, Mô Xoài là vùng đất tiến đồn cho toàn bộ quá trình mở đất của người Việt.

Nhiều nghiên cứu đánh giá rất cao vai trò của Hà Tiên trong công cuộc khai phá

Nam Bộ, bởi vì “sự tháp nhập đất Hà Tiên của Mạc Cửu đã tạo thành thế gọng kìm, khiến cuộc nam tiến trở thành bước nhảy vọt” (81) để rồi vùng đất Đông Nam Bộ gắn nhập với Hà Tiên vào năm 1757 khi vùng đất Tâm Phong Long: “nhập vào với lũy tre xanh ngàn đời để tô đắp thêm cho giang sơn thanh tú của nòi Hồng Lạc” (82), lúc đó hoàn thành quá trình khai phá và xác lập chủ quyền vùng Nam Bộ. Với việc sáp nhập Hà Tiên, lãnh thổ Đàng Trong đã kéo dài đến cực nam của Nam Bộ. Nếu: “Hà Tiên phải được coi là mẫu mực và cũng là điểm quyết định thành công của chính sách khai phá đất đai, xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn trên đất Nam Bộ” (83) thì Mô Xoài cũng giống như Hà Tiên nhưng không phải ở thế kỷ XVIII mà ở thế kỷ XVII, thậm chí hoàn cảnh của Mô Xoài còn khó khăn hơn Hà Tiên.

Mô Xoài có vai trò kíp trong quá trình khai phá đất đai, xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn: *Thứ nhất*, là gọng kìm tạo điều kiện thuận lợi để chúa Nguyễn sáp nhập Chămpa vào Đàng Trong; *Thứ hai*, là tiền đồn để mở ra cửa ngõ tiến vào trung tâm Nam Bộ.

Khi khai phá Mô Xoài, người Việt đã tiến hành một “bước nhảy” vượt qua Chămpa để vào địa đầu vùng đất Nam Bộ. Lúc này, Nam Bộ còn hoang vu, vô chủ nhưng vẫn thuộc vùng ảnh hưởng của Chân Lạp. Người Việt với quá trình lao động bền bỉ cộng với các hoạt động quân sự của chúa Nguyễn thì thế kỷ XVII Mô Xoài đã trở thành vùng biên giới của Đàng Trong với Chân Lạp trong khi Chămpa vẫn còn ở dải đất Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay. Và khi hoạt động khai phá ở đây diễn ra mạnh mẽ, người Việt trở nên đông đảo thì chúa Nguyễn sáp nhập Chămpa vào Đàng Trong trong tiến trình lãnh thổ của dân tộc Việt Nam, lúc này miền biên

viễn phía nam Đàng Trong đã liền một dải đến vùng đất Mô Xoài.

Câu nói của Nguyễn Cư Trinh tâu với chúa Nguyễn Phúc Khoát năm 1756 đã thể hiện đầy đủ vị thế, vai trò và tầm vóc lớn lao của xứ Mô Xoài. Chỉ có thể khai phá rồi sáp nhập Mô Xoài vào Đàng Trong thì từ đây mới có thể khai phá được vùng Đồng Nai rồi tiến vào trung tâm Nam Bộ là vùng Sài Gòn. Kế “tầm thực” của các chúa Nguyễn chính là thiết lập một cơ sở hoàn bị với cư dân, làng mạc đông đảo rồi từ tiền đồn Mô Xoài tiến vào khai phá Nam Bộ như con tầm ăn lá dâu cứ từ từ, từng bước một và loang dần ra cả miền Nam Bộ.

Mô Xoài là tiền đồn, vị trí chiến lược, chỗ trú chân, cũng là điểm giao chuyển của người Việt để tiến vào Nam Bộ. Từ Mô Xoài, cộng đồng cư dân Việt Nam mở dần địa bàn khai phá, men theo các con sông để tiến dần vào vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có được Mô Xoài là có được thế đứng chân vững chắc cho mọi hoạt động khai phá Nam Bộ sau này.

Mô Xoài là điểm cổ họng để chúa Nguyễn đưa quân đội vào Nam Bộ tiến hành bảo vệ người khai hoang, thực thi chủ quyền và can thiệp vào tình hình Chân Lạp khi cần thiết.

Trong chiến lược, các chúa Nguyễn đã mưu tính sớm và lâu dài để mở rộng cương vực. Có thể nói cuộc chiến với chúa Trịnh đã làm công cuộc mở rộng về phía nam của chúa Nguyễn chậm lại. Cuốn *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm không hề viết về công cuộc mở rộng lãnh thổ của Đàng Trong, chỉ đề cập đến các cuộc chiến liên miên chống chúa Trịnh cho thấy chúa Nguyễn phải vất vả với cuộc chiến này như thế nào. Chính vì vậy theo quan điểm của Trịnh Hoài Đức: “Các tiên hoàng liệt thánh triều ta [các chúa Nguyễn] chưa rảnh để mưu tính việc xa

nên tạm để đất này [Gia Định tức Nam Bộ] cho Cao Miên ở, dời dời xưng là Nam Phiên, lo việc triều cống không bao giờ dứt” (84). Sức ép của nông nghiệp “đất ruộng ít ỏi, lúa chẳng đủ ăn” (85) cùng cuộc chiến ở phía bắc là một phần của những lực đẩy để các chúa Nguyễn mưu tính công việc phương nam. Mặc dù phải chống chọi với chúa Trịnh nhưng các chúa Nguyễn vẫn luôn luôn để tâm, có chiến lược mở rộng về phương nam. Năm 1626: “Sãi Vương [Nguyễn Phúc Nguyên] từng muốn giao phó cho Chiêu Vũ [Nguyễn Hữu Dật] việc lớn mở mang cõi bờ, nhưng vì còn thiếu người hãy tạm thời cất nhắc sử dụng để chờ đợi trong ngoài” (86), chi tiết này cho thấy chúa Nguyễn Phúc Nguyên từ sớm đã muốn mở mang về phương nam nhưng thời cơ chưa chín muồi. Sau khi gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp, đến năm 1623 chúa Nguyễn đã thiết lập đơn vị thu thuế ở Sài Gòn. Phải chăng nếu hội đủ các điều kiện thì công cuộc khai phá Nam Bộ còn diễn ra mạnh mẽ, dồn dập hơn vào đầu thế kỷ XVII như ghi chép của *Nam triều công nghiệp diễn chí* năm 1626, chứ không phải đợi đến sự kiện năm 1658.

Như vậy, Mô Xoài là cửa ngõ, tiền đồn để người Việt tiến xuống Nam Bộ. Mở được cửa ngõ ở Mô Xoài cũng có nghĩa là mở ra cánh cửa lớn để người dân đi trước, chính quyền chúa Nguyễn theo sau khai phá và xác lập chủ quyền ở Nam Bộ. Mô Xoài chính là điểm then chốt, điểm đầu tiên cho toàn bộ quá trình mở đất ở Nam Bộ.

5. Kết luận

Xứ Mô Xoài là vùng đất đầu tiên được khai phá ở Nam Bộ. Trong quá trình mở cõi về phương Nam, Mô Xoài có vị trí then chốt, đặc biệt. Đây là điểm khởi đầu cho toàn bộ quá trình khai phá, xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ. Mô Xoài là vùng đất rộng lớn tương đương với

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay với trung tâm là các làng Long Hương, Phước Lễ, Long Kiên và Long Xuyên thuộc phạm vi Thành phố Bà Rịa. Ở khu vực ven biển Mồ Xoài có làng Phước Hải, Phước Tỉnh ngày nay thuộc huyện Long Điền là những bến cảng đầu tiên đón nhận những đoàn lưu dân người Việt tiến xuống phương Nam để vào trung tâm Mồ Xoài.

Vùng đất Mồ Xoài có vị trí địa - chính trị đặc biệt cùng điều kiện tự nhiên thuận lợi. Chính những yếu tố quan trọng về vị trí địa lý, đất đai, thủy văn, giao thông là những yếu tố "cần" để người Việt tiến xuống Nam Bộ chọn vùng đất này đầu tiên. Từ xứ Mồ Xoài dễ dàng theo đường thủy, bộ để tiến vào trung tâm Nam Bộ và tiếp tục quá trình khai phá ở đồng bằng sông Cửu Long.

CHÚ THÍCH

(1). Bản dịch *Phủ biên tạp lục* của Viện Sử học, Hà Nội (Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007) dịch là "Mồ Xoài". Trong các tài liệu, địa danh này có ít nhất 16 cách gọi: Mồ Xoài, Mồ Xoài, Mồ Suy, Mồ Xuy, Mồ Xui, Mồ Xuy, Mồ Xui, Mồ Xoài, Mồ Xay, Mồ Xuy, Mồ Xoài, Mồ Xuy, Mồ Xoài, Mồ Xôi, Mồ Xúi, Mồ Xoi. Về Hán tự, trong thư tịch có 2 cách ký tự "Mồ Xoài" phổ biến như sau: 每 秧 và 每 吹. Nhưng, người dân địa phương quen gọi địa danh này là "Mồ Xoài" (Xem thêm: Trương Vĩnh Ký: *Petit cours de géographie de la basse - Cochinchine*, Imprimerie du gouvernement, Saigon, 1875, tr. 14; Trương Vĩnh Ký: *Cours D'histoire Annamite, a l'usage, des écoles de la basse - Cochichine*, 2 er Volume, Imprimerie du gouvernement, Saigon, 1877, tr. 136; Trương Vĩnh Ký: "Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs", *Excursions et Reconnaissances*, Imprimerie Coloniale, Saigon, 1885, tr. 58).

(2), (47), (48), (52), (65), (80). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục* (Viện Sử học dịch, Đào Duy Anh hiệu

Trước thế kỷ XVII, Mồ Xoài là vùng đất hoang vu, Chân Lạp không thể quản lý nổi. Đến thế kỷ XVII, người Việt vượt biển qua vương quốc Champa để vào Mồ Xoài. Khi người Việt ngày càng đông đảo, đẩy mạnh quá trình khai phá đất đai thì chúa Nguyễn đã đưa lực lượng quân sự vào đây để bảo vệ quá trình khai phá, canh phòng miền biên viễn và có thể đưa quân sang Chân Lạp can thiệp khi cần thiết, đây là yếu tố "đủ" để Mồ Xoài thành tiền đồn, bàn đạp của quá trình nam tiến.

Đến cuối thế kỷ XVII, chúa Nguyễn bắt đầu quá trình thiết lập đơn vị hành chính ở Mồ Xoài. Trong thế kỷ XVIII, các đơn vị hành chính tiếp tục được hoàn thiện dần. Đến khi nhà Nguyễn thành lập trong tình hình chung của Nam Bộ, các đơn vị hành chính ở Mồ Xoài cũng dần được thiết lập hoàn thiện.

đỉnh), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 159, 152, 160, 161, 72, 248.

(3), (7), (8), (10), (11), (50), (55), (66), (76), (77), (84). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch, Huỳnh Văn Tới hiệu đính), Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai, 2005, tr. 109, 109, 39, 37, 140, 109, 109, 109, 29, 29, 109.

(4). Bản dịch *Đại Nam thực lục*, tập 1 của Viện sử học, Hà Nội (Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007) dịch là "Mồ Xuy".

(5). "nay": là thời gian viết *Đại Nam thực lục tiền biên* vào giữa thế kỷ XIX, tuy nhiên chú thích của Quốc sử quán triều Nguyễn chưa chính xác, Mồ Xoài nằm ở huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa không phải huyện Phúc (Phước) Chính.

(6), (59), (60), (72). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 72, 111, 274, 89.

- (9). Lê Quang Định: *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, (Phan Đăng dịch), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 85.
- (12). *Địa bạ thôn Long Hương, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa* (1836), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (TTLTQG I), Hà Nội, Ký hiệu (KH): Q 15581; *Địa bạ thôn Long Kiên, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), TTLTQG I, Hà Nội, KH: Q 15584; *Địa bạ thôn Long Xuyên, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), TTLTQG I, Hà Nội, KH: Q 15586; *Địa bạ thôn Phước Lễ, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), TTLTQG I, Hà Nội, KH: Q 15595; *Địa bạ ruộng muối thôn Phước Lễ, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1837), TTLTQG I, Hà Nội, KH: Q 15593.
- (13). *Địa bạ thôn Long Hương, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa* (1836), đã dẫn, tờ 3b; *Địa bạ thôn Phước Lễ, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), đã dẫn, tờ 1b.
- (14). *Địa bạ thôn Long Kiên, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), đã dẫn, tờ 1b.
- (15). *Địa bạ thôn Long Xuyên, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), đã dẫn, tờ 1b.
- (16). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm Định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, quyển 5 (Cao Huy Giu dịch), Viện Sử học, Viện thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 34.
- (17), (19). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, (Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 78, 44.
- (18). *Địa bạ thôn Long Hương, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa* (1836), đã dẫn, tờ 3a.
- (20). Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh (cb): *Địa chí Bà Rịa-Vũng Tàu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 190.
- (21), (22). *Plan topographique de L'arrondissement de Baria* (1881), Gouverneur, Echelle de: 1/100.000
- (23). Lê Quang Định: *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, sdd, tr. 311.
- (24). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 36; Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, sdd, tr. 54.
- (25). Huỳnh Tịnh Paulus Của: *Đại Nam Quốc âm tự vị*, (ấn bản lần đầu 1895 – 1896), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 236.
- (26). Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Bản đồ địa hình Việt Nam*, các mảnh C48-35C, C48-35D, C48-47A, C48-47B, tỷ lệ: 1/50.000, Nxb. Bản đồ, Hà Nội, 2003; Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: *Bản đồ hành chính thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu*, tỷ lệ: 1/10.000, Bà Rịa – Vũng Tàu, 2009; Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở thị xã Bà Rịa: *Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 1-4-2009 trên địa bàn thị xã Bà Rịa*, Phòng thống kê thị xã Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu, 2009.
- (27). Di tích Bưng Bạc thuộc xã Long Phước (thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).
- (28). Di tích Bưng Thơm thuộc xã Long Tân (huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).
- (29). Bùi Chí Hoàng, Phạm Chí Thân, Nguyễn Khánh Trung Kiên: *Khảo cổ học Bà Rịa - Vũng Tàu từ tiền sử đến sơ sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr. 79.
- (30), (37). Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình (cb): *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, tập 1, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1987, tr. 62, 110.
- (31). Lê Xuân Diệm: “Nhìn lại hai trống đồng Bình Phú và Vũng Tàu”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1986*, Viện Khảo cổ học, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1987, tr. 164.
- (32). Lê Hương: *Sử Cao Miên*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1970, tr. 104. Từ 1202 đến 1220, Chân Lạp xâm chiếm và biến Champa trở thành một vùng đất của Chân Lạp.
- (33). Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình: *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, tập 1, sdd, tr. 87.
- (34). Vùng Mô Xoài xưa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay.

- (35). Có thể là Sóc Trăng, Bạc Liêu hiện nay.
- (36). Châu Đạt Quan: *Chân Lạp phong thổ ký* (Lê Hương dịch), Nxb. Văn nghệ, Tp Hồ Chí Minh, 2007, tr. 84.
- (38). Nguyễn Đình Đầu - hành trình của một tri thức dân thân, Tạp chí Xưa & Nay, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2010, tr. 193.
- (39). Tiếng Chân Lạp gọi Ngọc Vạn là Sam Đát (Somdach Prea Peaccayo dey Preavoreac).
- (40). Nguyễn Đình Đầu: "Trước năm 1698 đã có người Việt Nam tới buôn bán và định cư rải rác trong đồng bằng sông Mê Kông và sông Meenam Chao Phraya", Tạp chí *Xưa & Nay*, số 37, Hà Nội, 1997, tr. 25.
- (41). Lê Hương: *Sử Cao Miên*, sdd, tr. 154.
- (42). C.Ardin: *Histoire sommaire du Royaume de Cambodge*, Imp. Commerciale, Saigon, 1914, tr. 50; Phan Khoang: *Việt sử xứ Đàng Trong (1558 - 1777)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 310; Vũ Minh Giang (cb): *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 28.
- (43). Phù Lang Trương Bá Phát: "Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam", Tạp chí *Sử Địa*, số 19 & 20, Sài Gòn, 1970, tr. 23.
- (44). Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng: *Làng Bến Cá xưa và nay*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai, 1998, tr. 16 - 17.
- (45). Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 91
- (46). Thích Đại Sán: *Hải ngoại kỳ sự* (Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam dịch năm 1963), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr. 201-202.
- (49). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm Định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phi phương lược chính biên* (Cao Huy Giu dịch), quyển 7, Viện sử học, Viện thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 32.
- (51). Phan Khoang: *Việt sử xứ Đàng Trong (1558 - 1777)*, sdd, tr. 350.
- (53). Đặng Thu (cb): "Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, Hà Nội, 1994, tr. 99-100.
- (54). Lâm Hiếu Trung (cb): *Biên Hòa- Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai, 1998, tr. 69.
- (56), (57). Võ Văn Ấn: *Truyền thống xã Long Hương*, Đồng Nai, 1985, tr. 15 -16, 12-13.
- (58). Những chú thích này của Quốc sử quán triều Nguyễn.
- (61). *Địa bạ thôn Long Hương, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa* (1836), đã dẫn; *Địa bạ thôn Long Kiên, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), đã dẫn; *Địa bạ thôn Long Xuyên, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), đã dẫn; *Địa bạ thôn Phước Lễ, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1836), đã dẫn.
- (62). Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Biên Hòa*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1994, tr. 125; Nguyễn Đình Đầu: *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ Lục tỉnh*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1994, tr. 140- 141.
- (63). *Địa bạ ruộng muối thôn Phước Lễ, tổng An Phú Hạ, huyện Phước An, tỉnh Biên Hòa*, (1837), đã dẫn.
- (64). Lê Quang Định: *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, sdd, tr. 311.
- (67). Alexandre de Rhodes, *Hành trình và truyền giáo* (Hong Nhuệ dịch), ủy ban đoàn kết công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1994, tr. 100.
- (68). Theo *Phủ biên tạp lục* quân chúa Nguyễn đi từ ngày 09 đến ngày 29 [Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, sdd, tr. 72]; *Gia Định thành thông chí* không chép rõ ngày chỉ viết là 2 tuần tức 20 ngày [Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 109]; *Đại Nam thực lục* không chép ngày nhưng lại nói vào tháng 9 năm 1658 [Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 1, sdd, tr. 72]. Như vậy, cuộc hành quân của thủy quân chúa Nguyễn diễn ra từ 09 đến 29 tháng 9 (Ấm lịch) năm 1658.
- (69). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí* (bản chữ Hán), Thư viện Viện Sử học, KH: HV.151 (1-6), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998, quyển 3, tờ 3b.
- (70). Cách Phnom Pênh khoảng 30 - 40km về phía tây bắc.

(Xem tiếp trang 43)

(7). TTLTQG IV Đà Lạt. RSA/HC/111. Réaction des colons français relative à l'application du régime minière 1888 en Indochine 1896.

(8). TTLTQG I Hà Nội. EDTI 10 786. Règlementation minière 1897-1918.

(9). TTLTQG I Hà Nội. EDTI 10 786. Règlementation minière 1897-1918. Commission d'étudier les conditions d'application du régime minère instaurée en Annam et au Tonkin.

(10). L'Association des mines du Tonkin: *Règlementation minière de l'Indochine* (Recueil des documents officiles), Hà Nội, 1929, tr.41-70.

(11). L'Association des mines du Tonkin: *Règlementation minière de l'Indochine...*, Sdd, tr. 34; 35.

(12). TTLTQG I Hà Nội. RST:76 713-1, RST 76 708-3, RST 76 713-5, RST 76 713-6, RST 76 713-7. Demandes d'autorisation d'acquissition des droits minières en Indochine formulées par les Annamites 1936-1937.

(13). TTLTQG I Hà Nội. RST 76 713-1.

(14). TTLTQG I Hà Nội. RST 69 855. A/S du Régime de concession et d'exploitation des mines en Indochine 1913-1930 .

(15). BAT 1927.

(16). L'Association des mines du Tonkin: *Règlementation minière de L'Indochine*, Sdd, tr. 132.

(17). L'Association des mines du Tonkin: *Règlementation minière de l'Indochine*, Sdd, tr. 151

VÙNG ĐẤT MỎ XOÀI TRONG QUÁ TRÌNH KHAI PHÁ NAM BỘ ...

(Tiếp theo trang 33)

(71). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch, Huỳnh Văn Tới hiệu đính), Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai, 2005, tr. 109.

(73). Hiện nay ở bên cạnh đường quốc lộ 55, đối diện đình thần Long Điền thuộc thị trấn Long Điền (huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) vẫn còn một địa danh mang tên Bàu Thành còn gọi là Bàu Voi. Bàu Thành hiện là quần thể thuộc Trung tâm văn hóa huyện Long Điền. y chính là nơi quân Chân Lạp đóng quân, tằm voi chiến, là dấu vết còn lại của sự kiện năm 1674, dấu tích của lũy đất vây quanh Bàu Thành hiện vẫn còn, có chỗ cao gần 5m.

(74). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 231-232.

(78). Thuyền là đơn vị quân đội nhỏ nhất dưới thời chúa Nguyễn.

(79). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, sdd, tr. 247. Vì tầm quan trọng của cửa biển này nên quân Tây Sơn tấn công Sài Gòn năm 1776 cũng đi qua Tắc Khái để vào cửa biển Cần Giò và đi vào sáu vùng sông nước trung tâm Gia Định.

(81). Hân Nguyên: "Hà Tiên, chìa khóa Nam tiến của dân tộc Việt Nam xuống đồng bằng sông Cửu Long", Tạp chí *Sử Địa*, số 19 & 20, Sài Gòn, 1970, tr. 268.

(82). Nguyễn Văn Hậu, "Sự thôn thuộc và khai thác đất Tầm Phong Long - chặng cuối cùng của cuộc Nam Tiến", Tạp chí *Sử Địa*, số 19 & 20, Sài Gòn, tr. 10.

(83). Nguyễn Quang Ngọc: "Qua triển khai nghiên cứu Hà Tiên, suy nghĩ về cách tiếp cận lịch sử khai phá và xác lập chủ quyền của Việt Nam ở Nam Bộ", in trong: Đề án Khoa học xã hội cấp nhà nước: Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, *Lịch sử nghiên cứu & phương pháp tiếp cận*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 83.

(84). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, sdd, tr. 109.

(85). Thích Đại Sán: *Hải ngoại ký sự*, sdd, tr. 157.

(86). Nguyễn Khoa Chiêm: *Nam triều công nghiệp diễn chí* (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga dịch), Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2003, tr. 145.